

2.5. Nội dung quy định khác (về thủ tục kiểm soát chi tại KBNN):

Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN (Khoản 6 Điều 7) chỉ có quy định về thành phần hồ sơ đối với khoản chi thường xuyên NSNN để thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất như sau: “Đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. Đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng, hồ sơ bao gồm:”

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định quy định việc sử dụng chi thường xuyên NSNN để thực hiện nhiệm vụ **cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng**. Như vậy, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP chưa quy định về thủ tục kiểm soát chi tại KBNN đối với nhiệm vụ “**xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng**”. Do đó, để tránh vướng mắc trong việc kiểm soát thanh toán tại KBNN sau khi Nghị định được ban hành, tại phần tổ chức thực hiện (Khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định), Bộ Tài chính đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung **tên** của khoản 6 Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP của Chính phủ như sau: “**6. Thành phần hồ sơ đối với các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng:**”

V. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Nội dung này sẽ tổng hợp, báo cáo sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên NSNN để thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng (Dự thảo Nghị định kèm theo).

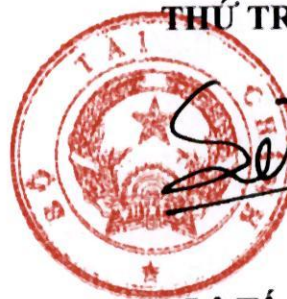
Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội: UB Pháp luật; UB Kinh tế; UB Tài chính - Ngân sách;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp; Bộ KH&ĐT;
- Vụ PC, Vụ NSNN; Vụ ĐT; Vụ I;
- Cục QLCS; Cục KHTC; Cục TH&TKTC;
- Lưu VT, HCSN (10 bản)

KT.BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Cận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024/ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DU THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Thông báo kết luận phiên họp thứ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số /TB-TTKQH ngày tháng 5 năm 2024 của Tổng thư ký Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, gồm:

a) Mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Nghị định này **không** điều chỉnh đối với các nội dung:

a) Nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

b) Nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị đột xuất để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, phục vụ nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng làm hư hỏng cơ sở vật chất được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước¹, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đề điều và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

c) Nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị đối với Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2017 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

d) Nhiệm vụ xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

đ) Các nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về xây dựng.

3. Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên đã được quy định tại các Luật chuyên ngành và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường **và các lĩnh vực khác (nếu có)**, ngoài quy định tại khoản 2 Điều này), các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên; tiếp tục thực hiện theo quy định tại các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ về sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

¹ Luật NSNN đã cho phép trích dự phòng NSNN hàng năm để thực hiện (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật NSNN, Điều 7 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ)

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên NSNN để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng.

(sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị)

Điều 3. Nguyên tắc bố trí dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Việc bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí theo quy định của pháp luật; không trùng lặp với các nhiệm vụ có cùng nội dung đã được bố trí từ nguồn chi đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Việc xây dựng dự toán, quản lý sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Việc bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng là nhiệm vụ có cấu phần xây dựng để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các công trình xây dựng, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm cả phần mua tài sản, trang thiết bị gắn với công trình xây dựng.

2. Nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị là nhiệm vụ không có cấu phần xây dựng, bao gồm mua, sửa chữa, nâng cấp, thay thế hoặc **thuê tài sản** là máy móc, trang thiết bị làm việc để phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác có liên quan.

3. Cơ quan quản lý cấp trên gồm các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan có thẩm quyền, hoặc cơ quan, đơn vị được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ

Điều 5. Lập dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công được quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng và quản lý tài sản xác định nhu cầu bổ sung, sửa chữa, nâng cấp, thay thế hoặc **thuê tài sản** trong năm kế hoạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để trình cơ quan quản lý cấp trên xem xét, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị của năm kế hoạch.

Nội dung nhiệm vụ cần thuyết minh chi tiết về tài sản, trang thiết bị máy móc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức trang bị tài sản, trang thiết bị máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sự cần thiết, lý do thực hiện và xác định rõ nhu cầu bổ sung, sửa chữa, nâng cấp, thay thế hoặc **thuê tài sản** trong năm kế hoạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; dự kiến kinh phí thực hiện từ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị **thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP). (Phụ lục kèm theo)**

Các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và hiệu quả của nhiệm vụ được phê duyệt.

3. Hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ sắm tài sản, trang thiết bị **thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (Phụ lục kèm theo).**

4. Lập, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan, đơn vị đề xuất dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của năm kế hoạch, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Hồ sơ tài liệu kèm theo dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc, bao gồm: Thuyết minh chi tiết về sự cần thiết, lý do thực hiện; tiêu chuẩn, định mức *trang bị tài sản, thiết bị máy móc*; *danh mục tài sản dự kiến mua sắm thay thế, hoặc sửa chữa, nâng cấp, hoặc mua sắm mới, hoặc thuê tài sản (chủng loại, số lượng)*; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này; dự toán kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 6. Phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị

1. Phân bổ dự toán

a) Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán chi được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ dự toán kinh phí chi thường xuyên được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện phân bổ dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị theo trình tự như sau:

- Trường hợp dự toán kinh phí được giao bằng với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, các cơ quan, đơn vị thực hiện phân bổ kinh phí dự toán chi thường xuyên cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

- Trường hợp dự toán kinh phí được giao thấp hơn so với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, các cơ quan, đơn vị rà soát lại nội dung kinh phí thực hiện nhiệm vụ để ban hành Quyết định ***phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí***, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ không vượt quá tổng mức dự toán chi thường xuyên phân bổ cho cơ quan, đơn vị.

c) Hồ sơ tài liệu kèm theo khi phân bổ dự toán các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị, máy móc, gồm: Báo cáo thuyết minh *danh mục tài sản dự kiến mua sắm thay thế, hoặc sửa chữa, nâng cấp, hoặc mua sắm mới, hoặc thuê tài sản (chủng loại, số lượng)*; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều này và dự toán kinh phí phân bổ.

d) Đối với các trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản, trang thiết bị chưa được tổng hợp trong dự toán hàng năm, cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp trong dự toán kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ và đảm bảo hồ sơ tài liệu về phân bổ dự toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức mua sắm tài sản, trang thiết bị

a) Trên cơ sở quyết định phê duyệt nhiệm vụ và quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị được giao trong năm ngân sách theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công để làm căn cứ tổ chức thực hiện.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách và pháp luật khác có liên quan.

c) Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, giải ngân kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngay trong năm ngân sách đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Trường hợp đến hết năm ngân sách dự toán không sử dụng hết bị hủy bỏ, trừ các trường

hợp được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Quyết toán kinh phí

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện tổng hợp chung kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị trong báo cáo quyết toán ngân sách chi thường xuyên hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 8. Lập dự toán đối với nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng

1. Căn cứ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; căn cứ yêu cầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng công trình xây dựng xác định sự cần thiết lập nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng công trình theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định pháp luật xây dựng gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí.

Nội dung nhiệm vụ cần thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng công trình; sự cần thiết, lý do thực hiện; tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật; khối lượng công việc dự kiến; thời gian thực hiện trong năm kế hoạch; dự kiến kinh phí thực hiện theo các nguồn vốn.

2. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương quyết định phê duyệt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan trung ương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương quyết định phê duyệt nhiệm vụ thuộc trách nhiệm phạm vi quản lý của mình.

c) Các Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương quyết định phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; quy mô, tính chất của công trình xây dựng, chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát đề ban hành ***quyết định phê duyệt nhiệm vụ tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ² (Mẫu phê duyệt nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Nghị định này)***

² Tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung này đã được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 194/TTr-CP ngày 07/5/2023, số 228/TTr-CP ngày 15/5/2023

3. Lập, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị đề xuất dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của năm kế hoạch, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Hồ sơ tài liệu kèm theo dự toán kinh phí cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm: Thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn.

4. Chi phí lập kế hoạch, thẩm định nhiệm vụ xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng được tính trong tổng mức đầu tư của nhiệm vụ. Trường hợp nhiệm vụ không được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị đề xuất thực hiện nhiệm vụ được sử dụng kinh phí thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thanh toán, quyết toán đối với các chi phí đã lập kế hoạch, thẩm định nhiệm vụ theo quy định đối với từng nguồn kinh phí.

Điều 9. Phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng

1. Phân bổ dự toán

a) Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán chi được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Căn cứ dự toán kinh phí chi thường xuyên được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định, các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện phân bổ dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng theo trình tự như sau:

- Trường hợp dự toán kinh phí được giao bằng với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này, các cơ quan, đơn vị thực hiện phân bổ kinh phí dự toán chi thường xuyên cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

- Trường hợp dự toán kinh phí được giao thấp hơn so với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình

trong dự án đã đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này, các cơ quan, đơn vị rà soát lại nội dung kinh phí thực hiện nhiệm vụ để ban hành Quyết định phê duyệt **điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí**, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ không vượt quá tổng mức dự toán chi thường xuyên phân bổ cho cơ quan, đơn vị.

c) Hồ sơ tài liệu kèm theo khi phân bổ dự toán các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, gồm: Báo cáo thuyết minh tên công trình, mục tiêu cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hạng mục công trình; dự toán kinh phí thực hiện, kèm theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ.

d) Đối với các trường hợp phát sinh nhu cầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng chưa được tổng hợp trong dự toán hàng năm, cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp trong dự toán kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ và đảm bảo hồ sơ tài liệu về phân bổ dự toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí

a) Trên cơ sở quyết định phê duyệt nhiệm vụ và quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình³ theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng để làm căn cứ tổ chức thực hiện.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

c) Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, giải ngân kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngay trong năm ngân sách đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Trường hợp đến hết năm ngân sách dự toán không sử dụng hết bị hủy bỏ, trừ các trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 10. Quyết toán kinh phí

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện tổng hợp chung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng trong báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm chi thường xuyên của đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các văn bản hướng dẫn. Cụ thể như sau:

1. Đối với công trình xây dựng có mức vốn dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo **quy định của pháp luật về quyết toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên**, pháp luật về kế toán và các văn bản hướng dẫn.

2. Đối với công trình xây dựng có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như khoản 1 Điều này, các cơ quan,

³ Theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Xây dựng và Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

đơn vị *áp dụng quy định tại Mục 2 Chương III* Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) để quyết toán dự án hoàn thành công trình xây dựng quy định tại Nghị định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước như sau: ***“6. Thành phần hồ sơ đối với các khoản chi thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng:”***
3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, CẢI TẠO,
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ (tên nhiệm vụ.....)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ (tên nhiệm vụ) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên nhiệm vụ:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Sự cần thiết, lý do thực hiện; Mục tiêu, quy mô nhiệm vụ:
5. Địa điểm thực hiện:
6. Tổng mức kinh phí dự kiến; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức kinh phí thực hiện:
7. Tiến độ thực hiện; thời hạn hoạt động của nhiệm vụ (nếu có):
8. Nguồn kinh phí và dự kiến phân kỳ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ:
 Trong đó: Chi tiết khối lượng công việc dự kiến và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ.
(Việc lập dự toán phải căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định pháp luật xây dựng và ngân sách nhà nước).
9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**PHỤ LỤC THAM CHIẾU QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 3 VÀ ĐIỀU 4 NGHỊ ĐỊNH
SỐ 151/2017/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Điều 3. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cơ quan nhà nước có nhu cầu mua sắm tài sản lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị mua sắm tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có nhu cầu mua sắm tài sản: 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản đề nghị mua sắm (chủng loại, số lượng, giá dự toán, nguồn kinh phí): 01 bản chính;

d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị mua sắm tài sản (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc mua sắm tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị mua sắm tài sản không phù hợp. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về sự cần thiết mua sắm, sự phù hợp của đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định trong trường hợp việc mua sắm tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Nội dung chủ yếu của Quyết định mua sắm tài sản gồm:

a) Tên cơ quan nhà nước được mua sắm tài sản;

b) Danh mục tài sản được mua sắm (chủng loại, số lượng, giá dự toán, nguồn kinh phí);

c) Phương thức mua sắm;

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Việc bố trí dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan. Việc tổ chức thực hiện mua sắm tài sản theo phương thức tập trung được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định này.

Điều 4. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cơ quan nhà nước lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để tổng hợp, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị thuê tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có nhu cầu thuê tài sản: 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản đề nghị thuê (chủng loại, số lượng, dự toán tiền thuê, nguồn kinh phí): 01 bản chính;

d) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thuê tài sản (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thuê tài sản không phù hợp. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản về sự cần thiết thuê tài sản, sự phù hợp của đề nghị thuê tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định trong trường hợp việc thuê tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thuê tài sản gồm:

a) Tên cơ quan nhà nước được thuê tài sản;

b) Danh mục tài sản được thuê (chủng loại, số lượng, dự toán tiền thuê, nguồn kinh phí);

c) Phương thức thuê;

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Việc bố trí dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện thuê tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan. Việc tổ chức thực hiện thuê tài sản theo phương thức tập trung được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định này.